

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ PHÚC LỢI
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ PHÚC LỢI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: PHUC LOI SERVICES DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: PHUC LOI SERVICES DEVELOPMENT JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0110009887

3. Ngày thành lập: 26/05/2022

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số Nhà 10, ngách 266/17 Phố Chợ Khâm Thiên, Phường Trung Phụng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0916200300

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt nhôm kính các loại, các loại cửa cuốn, cửa sắt, cửa inox, cửa kéo, cửa nhựa...	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)	4659
5.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Bán buôn sắt, thép	4662
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, vécni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810

8.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Tư vấn bất động sản - Môi giới bất động sản - Sàn giao dịch bất động sản - Quản lý bất động sản	6820
9.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
10.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
11.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
12.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ loại nhà nước cấm)	2420
13.	Đúc kim loại màu (trừ loại nhà nước cấm)	2432
14.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
15.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
16.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: gia công sản xuất các sản phẩm bằng sắt, thép, nhôm, inox	2592
17.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện Chi tiết: Sản xuất mô tơ, máy phát; Sản xuất biến thể điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện.	2710
18.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
19.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
20.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
21.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
22.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
23.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hoá bằng xe ô tô - Vận tải hàng hóa bằng xe có động cơ khác	4933
24.	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
25.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
26.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
27.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
28.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
29.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất cửa nhựa các loại (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi, mạ điện tại trụ sở)	3290
30.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312

31.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
32.	Xây dựng nhà để ở	4101
33.	Xây dựng nhà không để ở	4102(Chính)
34.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
35.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
36.	Xây dựng công trình điện	4221
37.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
38.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
39.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
40.	Xây dựng công trình thủy	4291
41.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
42.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
43.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
44.	Phá dỡ (Trừ hoạt động nổ mìn)	4311
45.	Chuẩn bị mặt bằng (Trừ hoạt động nổ mìn)	4312
46.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
47.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 500.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	LÒ VĂN THUẬN	Bản Lét Trạng, Xã Chiềng Bôm, Huyện Thuận Châu, Tỉnh Sơn La, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	0140950011 91	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		
2	NGUYỄN DANH KIÊN	Thôn Tam Nông, Xã Dị Nậu, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	30,000	0010770455 42	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	30,000		

3	NGUYỄN HUY HIỆU	Thôn Đại Sơn, Xã Hà Long, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	200.000	2.000.000.000	40,000	038093007281
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	200.000	2.000.000.000	40,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN HUY HIỆU

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/07/1993

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 038093007281

Ngày cấp: 20/09/2017

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Thôn Đại Sơn, Xã Hà Long, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đại Sơn, Xã Hà Long, Huyện Hà Trung, Tỉnh Thanh Hoá, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội